

TÌM HIỂU VẤN ĐỀ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH TRONG LUẬT TỤC BAH NAR

*Nguyễn Quang Tuyền**

Hôn nhân và gia đình là một trong những nội dung cơ bản được đề cập trong Luật tục của đồng bào các dân tộc thiểu số ở khu vực Tây Nguyên; bởi đây là vấn đề gần gũi, thiết thực liên quan đến quyền lợi của đồng bào trong các buôn làng. Luật tục của đồng bào Bah Nar cũng không nằm ngoài đặc điểm chung này. Trong Luật tục Bah Nar, vấn đề hôn nhân và gia đình được quy định rất cụ thể với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. VỀ CHẾ ĐỘ HÔN NHÂN

1. Nguyên tắc kết hôn

Luật tục của đồng bào Bah Nar không cấm trai, gái được tự do tìm hiểu. Hôn nhân của họ được bắt đầu từ việc yêu thương nhau và muốn lấy nhau như một lẽ tự nhiên. Khi tình yêu của đôi nam nữ đã chín muồi, họ báo cáo với cha mẹ và gia đình hai bên về ý định kết hôn hoặc do bố mẹ, gia đình người con trai sắp đặt nhờ mai mối nói chuyện với bên nhà người con gái. Nếu gia đình hai bên đồng ý cho đôi nam nữ lấy nhau thì tiến hành tổ chức đám hỏi. Ở vùng Kông Chro (Gia Lai), đồng bào không tổ chức đám hỏi mà tổ chức đám cưới ngay cho đôi trai gái. Nếu đôi nam nữ ở trong cùng một buôn làng thì đám cưới được tổ chức tại nhà Rông; nếu họ ở khác buôn làng thì đám cưới được tổ chức ở bên nào (nhà trai hay nhà gái) cũng được tùy thuộc vào sự quyết định của gia đình hai bên.

2. Về nghi lễ kết hôn

Nghi lễ hôn nhân của người Bah Nar được tiến hành theo hai bước:

(i) *Tổ chức đám ăn hỏi*: Sau khi hai bên nam nữ đã tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân

và được gia đình nhất trí thì người mai mối đến nhà trai làm lễ. Sau đó, nhà trai cùng họ hàng và bạn bè đến nhà gái để ra mắt. Nhà gái tổ chức ngày làm đám hỏi gồm rượu, heo hoặc gà và trao vòng cho đôi nam nữ. Người làm mối chứng kiến và làm lễ cúng. Hôm sau, nhà gái lại sang nhà trai và tổ chức đám hỏi như ở bên nhà mình. Trong hai ngày, nếu nhà trai hay nhà gái chiêm bao gặp gà lôi hoặc con chồn hoặc gặp vấn đề gì đó "không thuận buồm-xuôi gió" thì họ sẽ quyết định ngừng lễ hỏi. Và không bên gia đình nào bị phạt do việc ngừng lễ hỏi gây ra. Nếu không có vấn đề gì thì coi như lễ hỏi đã thực hiện xong;

(ii) *Tổ chức đám cưới*: Nhà gái tổ chức đám cưới trước. Họ tổ chức uống rượu linh đình. Tiệc cưới to hay nhỏ là tùy thuộc vào điều kiện kinh tế của từng gia đình. Đồng bào Bah Nar không có tục lệ nhà gái thách cưới như một số dân tộc khác. Ngày thứ hai, nhà gái lại sang nhà trai tổ chức lễ cưới tương tự như ở nhà mình. Sau ngày cưới đôi trai gái đi rẫy (con gái đi trước), nếu gặp rắn hoặc con chim bay ngang qua trước mặt hai người từ trái sang phải hoặc chiêm bao thấy rụng răng thì họ xem là điềm xấu, không thể sống chung với nhau được nên phải bỏ nhau. Và không ai bị phạt vạ gì. Sau khi cưới xong nếu một trong hai bên muốn bỏ nhau thì căn cứ theo lỗi; bên nào có lỗi và chủ động bỏ thì bên đó phải bồi thường với mức phạt như sau:

- Người con trai từ chối (chủ động) sống chung với người con gái thì bị phạt heo, bò và các chi phí khác đã bỏ ra để tổ chức đám hỏi, đám cưới. Ngược lại nếu phía người con gái chủ động bỏ thì việc gia đình họ bỏ ra các chi phí tổ chức đám hỏi và đám cưới bị coi là mất trắng; thậm chí họ có thể còn phải bồi thường danh dự cho người con trai bằng heo hoặc bò;

* TS Luật học, Đại học Luật Hà Nội.

- Trong trường hợp người vợ đã có con mà người chồng chủ động bỏ thì phải đền cho vợ và con từ 3 đến 4 con bò. Nếu hai vợ chồng có tài sản chung thì người chồng phải giao lại tài sản đó cho vợ, con. Ngược lại, trong trường hợp người vợ chủ động bỏ chồng mặc dù họ đã có con chung thì người vợ chỉ phải bồi thường danh dự cho chồng 1 con heo hay 1 con bò. Trong trường hợp này, người chồng nếu có tài sản riêng thì được lấy về. Việc có trợ cấp nuôi con hay không là tùy thuộc vào sự thỏa thuận của người chồng đối với người vợ.

3. Về điều kiện kết hôn

Người Bah Nar không quy định cụ thể về độ tuổi kết hôn mà chỉ nhìn dáng vóc, làm được mọi việc và đảm nhận được vai trò làm người cha, làm người mẹ của đôi nam nữ là họ được kết hôn. Việc kết hôn chỉ cần ông mai mối, già làng hoặc họ hàng đứng ra nói chuyện với gia đình hai bên là xong mà không cần đăng ký với chính quyền.

Các trường hợp được kết hôn bao gồm:

(i) Người chưa có vợ, người chưa có chồng;

(ii) Những người đã kết hôn nhưng có vợ hoặc có chồng bị chết và đã làm xong thủ tục lễ bả mã;

(iii) Hai anh em trai kết hôn với hai chị em gái (trên thực tế trường hợp này rất hiếm khi xảy ra, thường chỉ là hai anh em dòng họ xa kết hôn với hai chị em dòng họ xa).

Bên cạnh đó, Luật tục Bah Nar cũng có quy định về các trường hợp cấm kết hôn như sau:

(i) Người đang có vợ, người đang có chồng;

(ii) Giữa cha mẹ đẻ với con đẻ; giữa con đẻ với con nuôi; giữa anh chị em ruột với nhau. Nhìn chung người trong họ hàng với nhau thì không được kết hôn với nhau, nếu vi phạm sẽ bị xử phạt tùy theo mối quan hệ họ hàng xa hay gần;

(iii) Người đang mắc bệnh tâm thần, người mắc bệnh hoa liễu.

4. Chế độ ngoại hôn (ngoại tình)

Người Bah Nar rất tôn trọng chế độ hôn nhân một vợ, một chồng. Trường hợp ngoại hôn rất ít khi xảy ra. Nếu người nào vi phạm chế độ hôn nhân một vợ, một chồng thì họ sẽ bị xử phạt như sau:

- Người đã có vợ ngoại tình với người đã có chồng thì người đàn ông bị phạt phải cúng cho vợ mình hoặc dòng họ nhà vợ một con heo hay một con bò. Trong trường hợp người vợ ngoại tình thì cũng phải cúng cho chồng mình một con heo hay một con bò. Nếu hai người ngoại tình bỏ vợ hoặc bỏ chồng để lấy nhau thì phải bồi thường cho vợ cũ hoặc chồng cũ một con heo, một con bò. Tài sản của họ được để lại cho vợ cũ hoặc chồng cũ sử dụng.

- Người chưa có vợ ngoại tình với người đã có chồng thì họ bị phạt phải cúng cho người chồng 1 con heo. Nếu người vợ đã có con thì họ bị phạt gấp đôi và phải có nghĩa vụ trợ cấp nuôi con. Trong trường hợp người đã có vợ ngoại tình với người chưa có chồng thì họ cũng bị xử phạt tương tự và phải cúng nhà Rông.

5. Chế độ ly hôn

Nghiên cứu Luật tục Bah Nar cho thấy chế độ ly hôn được đề cập với những nội dung chủ yếu sau:

Thứ nhất, người Bah Nar sống rất tình cảm và chung thủy với chế độ hôn nhân một vợ, một chồng; vì vậy, họ rất ít khi ly hôn. Việc ly hôn chỉ xảy ra khi có lý do chính đáng thường là do người chồng hoặc người vợ lười lao động; do vợ chồng mâu thuẫn, ghen tuông hoặc do hai bên gia đình vợ, chồng xúc phạm danh dự của nhau

Thứ hai, khi ly hôn vấn đề tài sản chung và con cái được giải quyết như sau:

(i) *Về tài sản*: Khi ly hôn tài sản riêng của vợ hay của chồng thì họ được lấy về. Trong trường hợp người chồng ly hôn mà không có nghĩa vụ trợ cấp nuôi con và bồi thường danh dự cho vợ thì tài sản riêng của họ được để lại cho vợ và con sử dụng. Ngược

lại nếu người vợ xin ly hôn chồng nếu có tài sản riêng thì phải bồi thường danh dự cho chồng; con cái chung do người vợ nuôi. Trong trường hợp này việc trợ cấp nuôi con hay không là tùy thuộc vào ý muốn của người chồng. Trên thực tế, trong trường hợp người vợ chủ động ly hôn thì người chồng thường không thực hiện nghĩa vụ nuôi con.

- Khi người vợ hay người chồng chết thì tài sản của họ được để cho con cái và người chồng hoặc người vợ còn sống thừa kế. Trong trường hợp người vợ hoặc người chồng, con cái đều chết không có người thừa kế thì tài sản riêng của người chồng hoặc người vợ chết sau thuộc quyền thừa kế của dòng họ hai bên vợ, chồng. Tuy nhiên, người nào có trách nhiệm chăm sóc, trông coi mồ mả của người chết để lại di sản thì họ được hưởng phần thừa kế nhiều hơn so với các đồng thừa kế khác.

(ii) *Về con cái*: Khi vợ chồng ly hôn nếu con còn nhỏ thì giao cho người mẹ nuôi dưỡng. Người chồng chỉ trợ cấp nuôi con một lần từ hai đến 3 con bò hoặc bằng hiện vật khác. Trường hợp vợ chồng ly hôn mà có các con từ 10 tuổi trở lên thì họ có quyền lựa chọn việc ở với người mẹ hoặc ở với người cha. Trên thực tế, các con từ 10 tuổi trở lên thường lựa chọn ở với người mẹ khi cha mẹ chúng ly hôn.

6. Tục nối dây

Tục nối dây là tục lệ còn tồn tại ở một số dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên nói riêng. Tục nối dây là trường hợp khi người vợ hay người chồng chết thì người chồng hay người vợ còn sống có quyền kết hôn với em vợ hay em chồng, nếu giữa hai người có sự đồng ý. Người Bah Nar có rất ít các trường hợp nối dây, trừ trường hợp đặc biệt.

Tục nối dây không ép buộc: Trường hợp này được thực hiện dựa trên sự tự nguyện của hai người. Điều kiện được phép nối dây là khi người vợ hoặc người chồng chết thì sau khi làm xong thủ tục làm lễ bỏ mả (từ 1 -

3 năm) mới được phép lấy người khác. Nếu người có vợ hoặc người có chồng chết trong thời gian chưa làm lễ bỏ mả mà họ không lãng nhãng, quan hệ lung tung thì gia đình bên người vợ hoặc gia đình bên người chồng chết xem xét có thể cho làm lễ bỏ mả sớm. Trong thời gian chưa làm lễ bỏ mả mà người vợ hoặc người chồng còn sống đã lấy chồng hoặc lấy vợ khác thì bị phạt một con heo, một con bò cúng tại nhà mồ cho người vợ hoặc người chồng chết và còn phải mời tất cả họ hàng, dòng tộc hai bên đến tham dự.

Trường hợp hai vợ chồng đã bỏ nhau, sau đó muốn kết hôn lại thì họ không phải chịu phạt gì mà chỉ phải mời già làng, dòng họ hai bên đến chứng kiến. Vợ chồng phải hứa trước họ hàng hai bên sẽ sống với nhau chung thủy, hạnh phúc và không bỏ nhau nữa. Sau đó, mọi người tổ chức ăn mừng đối với sự tái hôn này.

Đối với tục nối dây, người Bah Nar có câu: Trong cuộc sống đời thường, không ai muốn gia đình ốm đau, bệnh tật nhưng do số phận hoặc rủi ro nên sinh ra nhiều bệnh tật không cứu vãn được dẫn đến vợ, chồng chết... Phong tục, tập quán quy định nếu vợ hay chồng chết trước thì người chồng hay người vợ còn sống có quyền lấy em vợ hoặc em chồng. Nếu người chồng hoặc người vợ còn sống không tiếp tục nối dây thì tài sản của vợ hay chồng đã chết thuộc về họ hàng hai bên. Nếu người chồng hoặc người vợ còn sống chấp nhận tục nối dây thì vợ chồng sẽ được tài sản, được ở nhà của người đã chết. Khi tục nối dây được thực hiện họ chỉ mời họ hàng hai bên đến dự và mừng rượu là xong. Vấn đề này được ghi nhận trong Luật tục Bah Nar như sau:

"Anh ta không thích em vợ, cô ta không thích em chồng

thì anh, chị phải chia tay với họ hàng, gia đình

và anh ta, cô ta phải làm lễ cúng bỏ mả

Sau đó anh, chị có quyền lấy ai theo ý muốn

tài sản để lại cho con cái, anh, chị đi hai bàn tay trắng ...";

II. VỀ CHẾ ĐỘ GIA ĐÌNH

1. Mô hình gia đình

Mô hình gia đình truyền thống của người Bah Nar là mô hình gia đình nhiều thế hệ, ở nhà dài nhưng có bếp lửa riêng và làm nương rẫy riêng (tuy nhiên, hiện nay ít tồn tại gia đình nhiều thế hệ, nhưng đồng bào vẫn ở nhà dài). Các thành viên trong gia đình đều có quyền và nghĩa vụ bình đẳng trong việc tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau. Trong mô hình gia đình của người Bah Nar, người lớn tuổi nhất được đảm nhận vai trò chủ gia đình. Mọi mâu thuẫn giữa các thành viên trong gia đình trước hết do gia đình tự giải quyết. Nếu không giải quyết được thì gia đình mới mời già làng, trưởng bản đến phân xử. Thông thường nếu hộ gia đình nào có đủ điều kiện về kinh tế thì hộ chia của cải cho con cái ra ở riêng.

2. Vai trò của vợ chồng trong gia đình

Trong gia đình của người Bah Nar có nơi người vợ hoặc cũng có nơi là người chồng đóng vai trò là trụ cột và có tiếng nói quyết định. Tuy nhiên khi mua bán hoặc trao đổi vật dụng của gia đình thì đều phải có ý kiến của cả vợ và chồng. Vợ chồng bình đẳng và có trách nhiệm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Do chưa rõ nguồn gốc, nên tất cả người Bah Nar đều mang họ "Đình". Tuy nhiên có vùng, bố mẹ đặt họ cho con cái theo họ của dân tộc Jơ Rai hoặc họ của người Kinh. Vì vậy tổ chức gia đình của người Bah Nar không thể hiện rõ nét chế độ mẫu hệ hay chế độ phụ hệ. Ở một số vùng tại Kông Chro. Mãng Yang mặc dù không có họ riêng của từng hộ gia đình song các gia đình trong vùng vẫn có họ chung để phân chia khu vực như: Kon KoKôdeh, Kon Tolô, Kon BơNăm ... và nam, nữ được đặt tên họ là Dăm, Mo để phân biệt.

Trong gia đình người Bah Nar sự phân công lao động được thể hiện rất rõ bằng việc người chồng đảm nhận các công việc nặng nhọc như đi rẫy, làm nhà, đan lát, săn bắn ...

Người vợ đảm nhiệm công việc nội trợ trong gia đình, nuôi dạy con cái và đi rẫy phụ giúp chồng

3. Mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình

Nghiên cứu mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình trong Luật tục Bah Nar cho thấy:

Thứ nhất, Luật tục Bah Nar xác lập quyền bình đẳng trong mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái. Theo đó, tất cả các công việc liên quan đến con cái đều phải có sự bàn bạc (trừ trường hợp người con còn nhỏ). Con cái đã thành niên chung sống với gia đình có quyền lập nghiệp và tham gia các quan hệ xã hội.

Thứ hai, Luật tục Bah Nar quy định trách nhiệm chăm sóc giữa cha mẹ và con cái, cụ thể:

- Con cái có trách nhiệm chăm sóc, phụng dưỡng ông bà, cha mẹ đến lúc về già. Ngược lại, ông bà, cha mẹ có trách nhiệm nuôi nấng, dạy dỗ con cái thành người.

- Con cái không thực hiện nghĩa vụ chăm sóc, phụng dưỡng ông bà, cha mẹ thì tùy theo tính chất và mức độ mà bị xử lý như sau:

- (i) *Nếu ở mức độ nhẹ*: Con cái bị hàng xóm, họ hàng chê bai, phê bình, góp ý;

- (ii) *Nếu ở mức độ nặng*: Con cái sẽ không được hưởng thừa kế đối với bất cứ tài sản nào khi ông bà, cha mẹ chết để lại. Nếu họ đang ở chung trong gia đình thì bị đuổi ra khỏi nhà.

Thứ ba, đối với trường hợp ông bà, cha mẹ thiếu trách nhiệm trong việc nuôi dạy chăm sóc con cái thì họ bị dư luận cộng đồng xã hội, buôn làng lên án...

4. Vấn đề nuôi con nuôi

Vấn đề nuôi con nuôi được Luật tục Bah Nar đề cập với những nội dung cơ bản sau đây:

Thứ nhất, theo Luật tục Bah Nar việc nhận con nuôi là sự thỏa thuận giữa hai bên: bên nhận con nuôi và bên được nhận làm con

nuôi hoặc do một trong hai bên yêu cầu nhận con nuôi và làm con nuôi. Bên cạnh đó, việc nhận con nuôi còn được thực hiện khi cha mẹ chiêm bao thấy đứa trẻ bú mình và nhận nó làm con nuôi.

Những trường hợp được nhận làm con nuôi bao gồm:

(i) Con mồ côi, lang thang cơ nhỡ không nơi nương tựa;

(ii) Những người có điều kiện hoàn cảnh khó khăn.

Thứ hai, quy định về độ tuổi giữa người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi: Luật tục Bah Nar không quy định cụ thể về độ tuổi chênh lệch giữa người nhận nuôi và con nuôi. Tuy nhiên, trên thực tế tuổi của người nhận con nuôi bao giờ cũng lớn hơn tuổi của con nuôi. Người muốn nhận con nuôi phải có năng lực đầy đủ, không bị mắc bệnh. Việc nhận con nuôi và việc nhận cha mẹ nuôi không có sự phân biệt giàu hay nghèo.

Thứ ba, thủ tục nhận con nuôi: Trước hết, mẹ nuôi phải làm lễ cúng 1 con heo hay 1 con gà gọi là cầu sức khỏe cho con đẻ và con nuôi. Trong lễ cúng, họ nói rằng con đẻ và con nuôi đều chung 1 giọt sữa và là anh em của nhau, nên phải biết thương yêu nhau, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau.

Sau đó, con nuôi phải cúng cho mẹ nuôi và con ruột của mẹ nuôi 1 con heo với mong muốn cầu nguyện sức khỏe và xin nhận làm đứa con của mẹ nuôi. Họ rót một ít rượu vào trong chén rồi người thầy cúng làm động tác giả nặn sữa mẹ cùng với rượu. Tiếp đó, con nuôi và mẹ nuôi cùng uống rượu và nói những lời thể sống chết có nhau. Từ đó, con nuôi sẽ trở thành thành viên mới của gia đình mẹ nuôi.

Thứ tư, về quyền bình đẳng giữa cha mẹ nuôi với con đẻ và con nuôi: Người Bah Nar không có sự phân biệt giữa con đẻ với con nuôi. Giữa các thành viên trong gia đình sống bình đẳng, hòa thuận và có trách nhiệm chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau.

Thực tế hiện nay việc nhận con nuôi rất hiếm khi xảy ra. Khi thấy người mồ côi, không nơi nương tựa thì đồng bào giúp đỡ chứ không nhận làm con nuôi.

Trong trường hợp nhận con nuôi còn nhỏ, chưa biết nói thì khi lớn lên người con nuôi này mới gọi người nhận nuôi là cha mẹ.

III. MỘT SỐ NHẬN XÉT BAN ĐẦU RÚT RA TỪ VIỆC NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH TRONG LUẬT TỤC BAH NAR

1. Về những mặt tích cực, tiến bộ

Tìm hiểu vấn đề hôn nhân và gia đình trong Luật tục Bah Nar cho thấy có những điểm tích cực, tiến bộ chủ yếu sau:

Thứ nhất, Luật tục Bah Nar xác lập nguyên tắc thực hiện chế độ hôn nhân một vợ một chồng. Đây là nguyên tắc hôn nhân tiến bộ phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Trong đó, một điểm đáng chú ý của Luật tục Bah Nar là công nhận quyền tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn giữa hai bên nam nữ mà không phải chịu bất kỳ một sự ép buộc, áp đặt nào từ phía cha mẹ, gia đình, họ hàng của họ.

Thứ hai, Luật tục Bah Nar còn xác lập nguyên tắc bình đẳng giữa vợ và chồng. Vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, chăm sóc, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau. Ngoài ra, sự phân công lao động giữa vợ và chồng trong gia đình cũng được xác định rõ: Người chồng đảm nhiệm những công việc nặng nhọc trong gia đình như làm rẫy, săn bắt, xây dựng nhà v.v. Trong khi đó, người vợ thực hiện các công việc nhẹ nhàng hơn như công việc nội trợ, nuôi dạy con cái, phụ giúp chồng đi rẫy....

Hôn nữa, nguyên tắc bình đẳng không chỉ được xác lập giữa vợ và chồng mà còn được thực hiện giữa các thành viên trong hộ gia đình; theo đó, mọi công việc có liên quan đến quyền lợi của con cái thì đều phải có sự bàn bạc giữa cha mẹ với các con. Con đã thành niên sống chung với gia đình được quyền lập nghiệp và tham gia các quan hệ xã hội.

Thứ ba, Luật tục Bah Nar rất chú trọng đến việc đảm bảo thực hiện nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng giữa ông bà, cha mẹ, con cái với nhau. Nếu ai vi phạm nghĩa vụ này sẽ bị dư luận cộng đồng của buôn làng lên án rất gay gắt. Thậm chí con cái không thực hiện bổn phận chăm sóc, phụng dưỡng ông bà, cha mẹ với mức độ nặng còn bị tước quyền hưởng thừa kế tài sản của ông bà, cha mẹ chết để lại hoặc nếu sống chung với gia đình thì bị đuổi đi không cho ở cùng.

Thứ tư, Luật tục Bah Nar đề cao sự chung thủy giữa vợ và chồng. Việc ngoại tình không chỉ bị coi là sự vi phạm nghiêm trọng về đạo đức mà còn bị lên án và xử phạt rất nghiêm. Người ngoại tình phải bồi thường danh dự cho vợ hoặc chồng bằng vật chất là bò hay heo.

Thứ năm, một điểm tiến bộ nữa của Luật tục Bah Nar là không có sự phân biệt đối xử giữa con đẻ và con nuôi trong gia đình. Con nuôi được quyền thừa kế tài sản khi cha mẹ nuôi chết để lại. Trong trường hợp người con nuôi ngoan ngoãn, hiếu thảo, chăm sóc cha mẹ nuôi thì họ được quyền hưởng tài sản của cha mẹ nuôi chết để lại với kỹ phần ngang bằng với con đẻ.

2. Về những mặt hạn chế

Bên cạnh những mặt tích cực, tiến bộ chủ yếu được đề cập nêu trên, các quy định về hôn nhân và gia đình của Luật tục Bah Nar vẫn còn bộc lộ một số điểm hạn chế cụ thể sau đây:

Thứ nhất, Luật tục Bah Nar không quy định cụ thể về độ tuổi kết hôn mà việc kết hôn chỉ dựa vào sự phán xét, đánh giá mang tính chủ quan của người lớn thông qua vóc

dáng, khả năng đảm nhiệm được vai trò làm cha hoặc làm mẹ của hai bên nam nữ. Do vậy, trên thực tế rất dễ xảy ra tình trạng tảo hôn (trường hợp kết hôn chưa đủ tuổi kết hôn do pháp luật quy định).

Thứ hai, Luật tục Bah Nar chỉ đề cập đến việc kết hôn của đôi nam nữ thông qua nghi lễ tổ chức đám hỏi và tổ chức đám cưới với vai trò trung gian của người mai mối và sự chứng kiến của hai gia đình, họ hàng mà không quy định việc kết hôn phải đăng ký với UBND cấp xã nơi một trong hai bên nam nữ có hộ khẩu thường trú. Điều này đi ngược lại với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 là nam nữ khi kết hôn phải đăng ký kết hôn tại UBND cấp xã nơi cư trú mới được coi là hôn nhân hợp pháp.

Thứ ba, thủ tục làm đám hỏi, đám cưới trong Luật tục Bah Nar còn mang tính mê tín dị đoan và lạc hậu ảnh hưởng đến quyền tự do kết hôn của thanh niên nam nữ.

Thứ tư, chế tài phạt vật chất do Luật tục Bah Nar quy định khi vợ, chồng ly hôn hoặc ngoại tình rất nặng so với điều kiện kinh tế của họ. Vì vậy trên thực tế có trường hợp vợ, chồng phải đi vay mượn họ hàng, bạn bè, người quen để có tiền thực hiện chế tài. Điều này cũng gây khó khăn cho một số đồng bào nghèo khi có hành vi vi phạm Luật tục Bah Nar về ly hôn hoặc ngoại tình.

Thứ năm, Luật tục Bah Nar còn duy trì tập tục kết hôn không còn phù hợp với đời sống văn minh, hiện đại hiện nay đó là tục nối dây. Tục lệ này xâm phạm nghiêm trọng quyền tự do yêu đương, quyền tự do kết hôn của thanh niên nam nữ mà pháp luật bảo vệ.